

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 463/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7- 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Quốc Thắng

2. Bà Nguyễn Thị Bông Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Nữ, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang, Kiểm sát viên

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1126/2019/HNST ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tuyết N – sinh năm 1989

Địa chỉ: 23/43/11 Nguyễn Hữu Tiến, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TPHCM

2. Bị đơn: Ông Dương Văn T – sinh năm 1992

HKTT: Khóm 2, phường 1, Thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Tạm trú: 568/19 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú

(Bà N và ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết Ng trình bày:

Bà và ông Dương Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh,

quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 251 ngày 06/12/2018.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến khi bà sinh con thì vợ chồng sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về chi tiêu sinh hoạt trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi nhau nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Nay do tình cảm hai bên không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung tên Dương An Nhiên, sinh ngày 26/10/2018. Sau khi ly hôn bà xin được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa: Bà N xin vắng mặt, ông T vắng mặt không lý do

Bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại các Điều 48, Điều 49, Điều 51 Điều 63 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Yêu cầu chung đối với phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 222, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết về việc xin ly hôn ông Dương Văn T.

Về con chung: Giao con chung tên Dương An Nhiên, sinh ngày 26/10/2018 cho bà N nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà N không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết N yêu cầu ly hôn ông Dương Văn T, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn hôn ông Dương Văn T có nơi cư trú tại quận Tân Phú nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết N có đơn xin vắng mặt. Ông Dương Văn T đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà N và ông T theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 251 ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa bà Phạm Thị Tuyết N và ông Dương Văn T là hợp pháp phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Phạm Thị Tuyết N trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về chi tiêu tiền bạc nên vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi nhau nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt thể hiện ông Thiện không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu...có nghĩa vụ sống chung...”. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về con chung:* Bà N xin được tiếp tục nuôi con chung tên Dương An Nhiên, sinh ngày 26/10/2018. Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày vợ chồng ly thân đến nay bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nhiên, trẻ còn dưới 36 tháng tuổi, xuất phát từ mọi mặt của trẻ. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần phải giao trẻ Dương An Nhiên cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà N không yêu cầu.

- *Về tài sản chung:* Bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nghĩa vụ dân sự : Bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết N phải nộp không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết N

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Tuyết N được ly hôn với ông Dương Văn T. Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 251 ngày 06/12/2018 của Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Tuyết N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Dương An Nhiên, sinh ngày 26/10/2018. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà N không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp bà N không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông T hoặc bà N, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Không xem xét.
- Về nghĩa vụ dân sự: Không xem xét.

2. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) buộc bà Phạm Thị Tuyết N phải nộp, nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0020020 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường Tây Thạnh, quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thành